

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11/9/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan và ông Phạm Văn Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 28/2023/TLST - HNGĐ ngày 03/7/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25/8/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Hiền T, sinh năm 1995; nơi đăng ký thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam; nơi ở hiện nay: Thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam.(có mặt)

2. Bị đơn: Anh Trịnh Trung Th, sinh năm 1991; nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Đặng Hiền T trình bày:

1.1. Về hôn nhân: Chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Trịnh Trung Th vào ngày 13/10/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Sau ngày cưới vợ chồng chung sống chung với gia đình chồng tại thôn Đ, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam. Đến đầu năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn từ việc nhỏ trong sinh hoạt, tuy N khi vợ chồng mâu thuẫn thì anh Th lại chửi sau đó là đánh chị; lúc đầu còn đánh ít về sau cứ cãi nhau là anh Th đánh nhiều. Bố mẹ

chị đã phải nhiều lần phải đến đón chị về để anh Th khỏi đánh. Sau đó bố mẹ hai bên cũng khuyên bảo, anh Th hứa sửa chữa nhưng chị được một thời gian ngắn thì đầu lại vào đây nên tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt. Đỉnh điểm là tháng 3/2023 khi xảy ra mâu thuẫn anh Th đã đánh chị gây thương tích phải đi điều trị tại các cơ sở y tế (phải đi chụp Citi não). Đến lúc này thì chị thấy không thể chung sống cùng anh Th nên chị quyết định mang con thứ hai nhà bố mẹ đẻ. Từ khi chị về nhà bố mẹ đẻ ở anh Th cùng mẹ đẻ, chị gái anh Th có đến gặp chị và gia đình chị nhưng hai bên gia đình không tìm được tiếng nói chung, bản thân chị thấy không thể sống chung cùng anh Th nữa nên quyết định không quay về chung sống.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Th không còn; đề nghị Tòa án nhân dân huyện B giải quyết cho chị được ly hôn anh Th để sớm ổn định cuộc sống.

1.2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trịnh An N, sinh ngày 05/01/2019 và cháu Trịnh Ngọc Thanh N1, sinh ngày 20/7/2021. Hiện tại cháu N1 đang ở cùng chị; cháu N đang ở cùng anh Th và bà nội; các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường.

Quan điểm của chị về con chung khi ly hôn: Đề nghị Tòa án xem xét giao cháu N cho anh Th nuôi dưỡng và giao cháu N1 cho chị nuôi dưỡng. Anh chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Nếu anh Th không nhận nuôi cháu N thì chị đề nghị được nuôi cả 2 cháu; đồng thời chị yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi cháu N cho chị mỗi tháng là 01 triệu đồng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Chị xác định hiện tại chị là giáo viên mầm non đang công tác tại Trường mầm non xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam có thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 04 triệu đồng.

Chị xác định hiện tại chị không có thai.

1.3. Về tài sản riêng của mỗi người; tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (bao gồm công nợ, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm); trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị T không còn ý kiến gì khác.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – anh Trịnh Trung Th trình bày:

2.1. Về hôn nhân: Anh và chị Đặng Hiền T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 13/10/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh ở thôn Đ, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là khi anh phải đi chăm bố anh điều trị ung thư, ít có điều kiện chăm lo cho vợ con, để thuận tiện cho sinh hoạt vợ chồng anh thống nhất là để chị T và 02 con

về nhà ông bà ngoại ở một thời gian. Tuy nhiên sau đó chị T đã không thông cảm chia sẻ cùng anh mà còn quay ra cãi chửi lại anh và gia đình anh. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ tháng 3/2023 đến nay; vợ chồng chấm dứt quan hệ và sống ly thân.

Nay chị T kiện ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, hai người vẫn có thể hàn gắn nên anh không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh về đoàn tụ.

2.2. Về con chung: Anh xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Trịnh An N, sinh ngày 05/01/2019 và cháu Trịnh Ngọc Thanh N1, sinh ngày 20/7/2021. Hiện cháu N đang ở cùng anh, cháu N1 đang ở cùng chị T; các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường.

Nếu phải ly hôn, anh đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, giao chị T nuôi dưỡng cháu N1; anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

2.3. Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh xác định không có do vậy anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề này.

[3] Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên quan điểm như đã trình bày; cụ thể: Chị đề nghị được ly hôn anh Th. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu N1, giao anh Th nuôi cháu N, anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản, chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị xác định việc anh Th vắng mặt tại phiên tòa là cố tình nhằm gây khó khăn cho chị trong việc ly hôn, do vậy chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết việc anh Th vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện B có quan điểm:

* Về tố tụng, TAND huyện B thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án tại tòa và xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đặng Hiền T với anh Trịnh Trung Th. Xử lý hôn giữa chị T và anh Th.

- Về con chung: Giao cháu Trịnh An N, sinh ngày 05/01/2019 cho anh Th nuôi dưỡng; giao cháu Trịnh Ngọc Thanh N1, sinh ngày 20/7/2021 cho chị T nuôi dưỡng. Chị T, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Chị T, anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về tố tụng: Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”; bị đơn – anh Trịnh Trung Th đăng ký nơi thường trú và hiện đang ở tại thôn Đ, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam. Do vậy Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy anh Th đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Th là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Về giải quyết vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Đặng Hiền T và anh Trịnh Trung Th tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 13/10/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chồng ở thôn Đỗ Khả Xuân, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm sống trong cả sinh hoạt, trong cách xây dựng kinh tế gia đình và ứng xử nội ngoại hai bên. Khi xảy ra mâu thuẫn, anh Th gia trưởng, chị T chưa khéo léo khuyên bảo, chia sẻ cùng chồng dẫn đến hai người cãi chửi nhau và xô xát; từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Mâu thuẫn căng thẳng nhất vào tháng 3/2023, anh Th đánh chị T, sau đó chị T mang con thứ hai về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng chấm dứt quan hệ, sống ly thân từ đó đến nay.

Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù anh Th đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng anh về đoàn tụ nhưng khi Tòa án tiến hành phiên hòa giải thì anh Th lại vắng mặt. Điều này thể hiện anh Th đã có thái độ bỏ mặc cho chị T làm thủ tục ly hôn. Xét trên thực tế cuộc sống chung của vợ chồng chị T anh Th đã chấm dứt từ tháng 3/2023 đến nay, mặc dù anh chị và gia đình hai bên đã gặp gỡ nhau nói chuyện nhưng hai bên vẫn không tìm được tiếng nói chung, anh chị không về đoàn tụ. Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T vẫn kiên quyết đề nghị được ly hôn do đó Hội đồng xét xử thấy rằng khả năng chị T anh Th về

đoàn tụ chung sống là không còn; xử cho chị T ly hôn anh Th là phù hợp với thực tế và đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Đặng Hiền T và anh Trịnh Trung Th có hai con chung là cháu Trịnh An N, sinh ngày 05/01/2019 và cháu Trịnh Ngọc Thanh N1, sinh ngày 20/7/2021. Hiện cháu N đang ở cùng anh Th, cháu N1 đang ở cùng chị T; các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường.

Xét thấy chị T, anh Th có điều kiện nuôi con là như nhau do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị T, anh Th; giao cháu N cho anh Th nuôi dưỡng; giao cháu N1 cho chị T nuôi dưỡng; anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[3] Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Do chị T, anh Th tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết những vấn đề này. Nếu sau này chị T, anh Th xảy ra tranh chấp về tài sản thì có quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đặng Hiền T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Đặng Hiền T ly hôn anh Trịnh Trung Th.

2. Về con chung: Chấp đề nghị của chị Đặng Hiền T và anh Trịnh Trung Th: Giao cháu Trịnh An N, sinh ngày 05/01/2019 cho anh Th nuôi dưỡng. Giao cháu Trịnh Ngọc Thanh N1, sinh ngày 20/7/2021 cho chị T nuôi dưỡng.

Chị T, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị T, anh Th và các Th viên gia đình chị T, anh Th không được cản trở anh Th, chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N1, cháu N.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đặng Hiền T phải chịu 300.000 đồng.

Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Lục theo biên lai số AA/2021/0000559 ngày 03/7/2023 thành án phí ly hôn sơ thẩm chị T phải nộp. (Chị T đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh Th được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đặng Trần Anh Dũng
(đã ký)